

AbSo-V



Model: AV13-610x610x292-10/00-40-G

AV13: Lọc V, Cấp độ lọc H13 theo EN1822

610x610x292: Kích thước WxLxD mm

10/00: Gioăng mặt gió vào / không lưới

40: Diện tích vật liệu lọc m²

G: Khung thép mạ kẽm

Mã MGT: HV13GR40N0PG-610x610x292

ỨNG DỤNG

- Lọc khí Absolute hiệu suất cao, lưu lượng lớn.
- Hệ thống thông gió phòng sạch.
- Sử dụng trong các ngành vi điện tử, thực phẩm, nhiếp ảnh, trung tâm dữ liệu, bệnh viện và sản xuất thiết bị y tế.

Bộ lọc HEPA dạng V lưu lượng cao

Khung: Thép mạ kẽm

Vật liệu lọc: Sợi thủy tinh

Loại gioăng: Polyurethane

Vị trí gioăng: Mặt gió vào

Giai đoạn lọc: III-IV

Hiệu suất hạt MPPS EN 1822:

E10 (≥85%), E11 (≥95%), E12 (≥99.5%),

H13 (≥99.95%), H14 (≥99.995%),

Nhiệt độ tối đa: 80°C

Độ ẩm tương đối: 100%

Chênh áp cuối: 600 Pa

Cấp độ chống cháy: K1/F1 theo tiêu chuẩn DIN53438

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Diện tích vật liệu lọc (m ²)	Lưu lượng (m ³ /h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AV13-305x305x292-10/00-10-G	170001M	HV13GR10N0PG	305x305x292	H13	10	1000	270	7
AV13-305x610x292-10/00-20-G	170002M	HV13GR20N0PG	305x610x292	H13	20	2000	270	11
AV13-457x610x292-10/00-30-G	170003M	HV13GR30N0PG	457x610x292	H13	30	3000	270	16
AV13-610x610x292-10/00-40-G	170004M	HV13GR40N0PG	610x610x292	H13	40	4000	270	20
AV13-610x762x292-10/00-50-G	170005M	HV13GR50N0PG	610x762x292	H13	50	5000	270	28.5
AV13-610x915x292-10/00-60-G	170006M	HV13GR60N0PG	610x915x292	H13	60	5400	270	32.5
AV14-305x305x292-10/00-10-G	170007M	HV14GR10N0PG	305x305x292	H14	10	850	280	7
AV14-305x610x292-10/00-20-G	170008M	HV14GR20N0PG	305x610x292	H14	20	1700	280	11
AV14-457x610x292-10/00-30-G	170009M	HV14GR30N0PG	457x610x292	H14	30	2550	280	16
AV14-610x610x292-10/00-40-G	170010M	HV14GR40N0PG	610x610x292	H14	40	3400	280	20
AV14-610x762x292-10/00-50-G	170011M	HV14GR50N0PG	610x762x292	H14	50	4250	280	28.5
AV14-610x915x292-10/00-60-G	170012M	HV14GR60N0PG	610x915x292	H14	60	5100	280	32.5
AV10-305x305x292-10/00-10-G	170051M	HV10GR10N0PG	305x305x292	E10	10	1350	250	7
AV10-305x610x292-10/00-20-G	170052M	HV10GR20N0PG	305x610x292	E10	20	2700	250	11
AV10-457x610x292-10/00-30-G	170053M	HV10GR30N0PG	457x610x292	E10	30	4100	250	16
AV10-610x610x292-10/00-40-G	170054M	HV10GR40N0PG	610x610x292	E10	40	5400	250	20
AV10-610x762x292-10/00-50-G	170055M	HV10GR50N0PG	610x762x292	E10	50	6800	250	28.5
AV10-610x915x292-10/00-60-G	170056M	HV10GR60N0PG	610x915x292	E10	60	8200	250	32.5

MADE IN TURKEY

Manufacturer: MGT

Model	Mã	Mã MGT	Kích thước WxLxD	Cấp lọc EN 1822	Diện tích vật liệu lọc (m²)	Lưu lượng (m³/h)	Chênh áp ban đầu (Pa)	Trọng lượng (kg)
AV11-305x305x292-10/00-10-G	170057M	HV11GR10N0PG	305x305x292	E11	10	1250	250	7
AV11-305x610x292-10/00-20-G	170058M	HV11GR20N0PG	305x610x292	E11	20	2500	250	11
AV11-457x610x292-10/00-30-G	170059M	HV11GR30N0PG	457x610x292	E11	30	3750	250	16
AV11-610x610x292-10/00-40-G	170060M	HV11GR40N0PG	610x610x292	E11	40	5000	250	20
AV11-610x762x292-10/00-50-G	170061M	HV11GR50N0PG	610x762x292	E11	50	6250	250	28.5
AV11-610x915x292-10/00-60-G	170062M	HV11GR60N0PG	610x915x292	E11	60	7500	250	32.5
AV12-305x305x292-10/00-10-G	170063M	HV12GR10N0PG	305x305x292	E12	10	1000	250	7
AV12-305x610x292-10/00-20-G	170064M	HV12GR20N0PG	305x610x292	E12	20	2000	250	11
AV12-457x610x292-10/00-30-G	170065M	HV12GR30N0PG	457x610x292	E12	30	3000	250	16
AV12-610x610x292-10/00-40-G	170066M	HV12GR40N0PG	610x610x292	E12	40	4000	250	20
AV12-610x762x292-10/00-50-G	170067M	HV12GR50N0PG	610x762x292	E12	50	5000	250	28.5
AV12-610x915x292-10/00-60-G	170068M	HV12GR60N0PG	610x915x292	E12	60	6400	250	32.5
AV10-305x305x292-10/00-9-G	170031M	HV10GR09N0PG	305x305x292	E10	9	1250	250	7
AV10-305x610x292-10/00-18-G	170032M	HV10GR18N0PG	305x610x292	E10	18	2500	250	11
AV10-457x610x292-10/00-26-G	170033M	HV10GR26N0PG	457x610x292	E10	26	3700	250	16
AV10-610x610x292-10/00-36-G	170034M	HV10GR36N0PG	610x610x292	E10	36	5000	250	20
AV10-610x762x292-10/00-46-G	170035M	HV10GR46N0PG	610x762x292	E10	46	6250	250	28.5
AV10-610x915x292-10/00-56-G	170036M	HV10GR56N0PG	610x915x292	E10	56	7500	250	32.5
AV11-305x305x292-10/00-9-G	170037M	HV11GR09N0PG	305x305x292	E11	9	1175	250	7
AV11-305x610x292-10/00-18-G	170038M	HV11GR18N0PG	305x610x292	E11	18	2350	250	11
AV11-457x610x292-10/00-26-G	170039M	HV11GR26N0PG	457x610x292	E11	26	3520	250	16
AV11-610x610x292-10/00-36-G	170040M	HV11GR36N0PG	610x610x292	E11	36	4700	250	20
AV11-610x762x292-10/00-46-G	170041M	HV11GR46N0PG	610x762x292	E11	46	5850	250	28.5
AV11-610x915x292-10/00-56-G	170042M	HV11GR56N0PG	610x915x292	E11	56	7000	250	32.5
AV12-305x305x292-10/00-9-G	170043M	HV12GR09N0PG	305x305x292	E12	9	875	250	7
AV12-305x610x292-10/00-18-G	170044M	HV12GR18N0PG	305x610x292	E12	18	1750	250	11
AV12-457x610x292-10/00-26-G	170045M	HV12GR26N0PG	457x610x292	E12	26	2500	250	16
AV12-610x610x292-10/00-36-G	170046M	HV12GR36N0PG	610x610x292	E12	36	3500	250	20
AV12-610x762x292-10/00-46-G	170047M	HV12GR46N0PG	610x762x292	E12	46	4450	250	28.5
AV12-610x915x292-10/00-56-G	170048M	HV12GR56N0PG	610x915x292	E12	56	5450	250	32.5

Tùy chọn khác theo yêu cầu:

Khung: Nhôm, Inox 304, Inox 316.

Vật liệu lọc: Chịu nhiệt cao (Tối đa 120°C)

Loại khung HF: Không, đơn 20/25 mm, đôi 20/25 mm, Kích thước tùy chỉnh

Lưới bảo vệ: Không, Mặt gió ra, Cả hai mặt

Loại gioăng: Không, Cao su, EPDM, Chịu nhiệt cao

Vị trí gioăng: Không, Mặt gió ra, Cả hai mặt

Chứng nhận ATEX: cho bộ lọc không khí phù hợp cho khu vực có nguy cơ cháy nổ vùng 1, 2, 21 và 22.

Chứng nhận vệ sinh: Lọc HEPA | VDI 6022 Blatt 1:2018, DIN 1946-4:2018, ISO 846:2019 Plastics, BS EN 17141:2020.

Vật liệu tuân thủ tiếp xúc thực phẩm: Lọc HEPA | (EC) No 1935/2004, (EC) No 2002/72, (EU) No 10/2011, (EU) No 2020/1245, U.S. FDA-Determining the Regulatory Status of Components of a Food Contact Material.

MADE IN TURKEY
Manufacturer: MGT